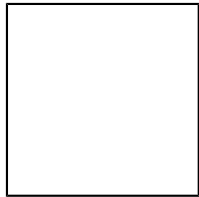


Bản án số: 85/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v: "Xin ly hôn".



NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần hội đồng xét xử gồm:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Chí Linh.**

* Các vị hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Mỹ

2/ Bà Đoàn Thị Liễu

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Ưng** - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 301/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Trà M**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 220/21 đường Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* **Bị đơn:** Ông **Đoàn Hoàng D**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 698C/5 đường Lâm Quang Ky, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Trần Thị Trà M trình bày:** Trước đây bà M và ông D do mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường An Hòa vào ngày 15/10/2013.

Bà M trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình đôi bên không hợp nhau, bà M cho rằng ông D thường xuyên đá gà, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Thấy tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà M xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Đoàn Trần Gia Bảo, sinh ngày 05/9/2016. Bà M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà M xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà kiên quyết xin được ly hôn với ông D, mong Hội đồng xét xử chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Việc bà Trần Thị Trà M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Hoàng D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng tuy nhiên bị đơn ông Đoàn Hoàng D không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản hồi. Do đó, căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Bà Trần Thị Trà M với ông Đoàn Hoàng D do mai mối và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND P. An Hòa vào ngày 15/10/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà M khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau, ông D không biết chăm sóc vợ, con thường xuyên nhậu nhẹt không về nhà do đó tình cảm ngày càng xa cách. Hai bên đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D

[3] Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay bà M kiên quyết không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông D, đồng thời hai bên cũng đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay và hiện tại đã sống ly thân. Từ đó

xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi thảo luận hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông D

[4] Về con chung: Bà M xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Đoàn Trần Gia Bảo, sinh ngày 05/9/2016. Bà M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D không có ý kiến đối với yêu cầu của bà M. Do đó, yêu cầu này của bà M là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà M xác nhận không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Buộc bà Trần Thị Trà M phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0008372 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Trà M đối với ông Đoàn Hoàng D

- Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Trần Gia Bảo, sinh ngày 05/9/2016 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có

* Về án phí hôn nhân gia đình: Buộc bà Trần Thị Trà M phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo

biên lai thu số 0008372 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS
- Phòng GDKT
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu vp

BÙI CHÍ LINH

